TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/KDTM-ST
Ngày: 30 - 7 - 2025
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLST-KDTM ngày 26/02/2025 về "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2025/QĐXXST- KDTM ngày 30/5/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 263/2025/QĐST- KDTM ngày 30/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần bê tông T; địa chỉ trụ sở: Số 530 đường S, khu phố 5, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện ủy quyền: Bà Quách Thị Phương T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 417 đường S, khu phố 22, phường T, tỉnh Tây Ninh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng môi trường TNL; địa chỉ trụ sở: Số 783 đường P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 20F đường P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Quách Thị Phương T trình bày:

Công ty cổ phần bê tông T (sau đây được gọi tắt là Công ty T) và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng môi trường TNL (sau đây được gọi tắt là Công ty TNL) ký Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn số 019A/20/HĐ-BTTN ngày 24/12/2020.

Thực hiện hợp đồng Công ty T đã bán cho Công ty TNL 2.351m^3 bê tông trộn sẵn với tổng số tiền là 3.237.347.000 đồng. Sau nhiều đợt thanh toán hai bên đã ký biên bản xác nhận công nợ tính đến ngày 10/5/2023 Công ty TNL còn nợ Công ty T số tiền 139.572.500 đồng, đến ngày 20/11/2023 Công ty TNL trả cho Công ty T số tiền 20.000.000 đồng thì ngưng không trả. Nay Công ty T yêu cầu Công ty TNL trả số tiền còn nợ là 137.807.306 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 119.572.500 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước 9%/năm kể từ ngày 21/11/2023 đến ngày 30/7/2025 là 20 tháng 10 ngày với số tiền là 18.234.806 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vi phạm thời hạn giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền mua bê tông còn nợ là 119.572.500 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm kể từ ngày 21/11/2023 đến ngày 30/7/2025. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty T khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNL về yêu cầu thanh toán tiền nợ mua hàng. Do đó, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ gốc là 119.572.500 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do phía nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định Công ty T và Công ty TNL có ký kết Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn số 019A/20/HĐ-BTTN ngày 24/12/2020. Việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật, do đó quyền và nghĩa của các bên đã phát sinh.

Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng quy định về thời hạn thanh toán như sau: Bên mua thanh toán 100% trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán do bên bán cung cấp. Ngày 10/5/2023 các bên đã ký biên bản xác nhận công nợ với nội dung Công ty TNL còn nợ Công ty T số tiền 139.572.500 đồng, tuy nhiên sau khi ký biên bản trên đến ngày 20/11/2023 Công ty TNL chỉ thanh toán được 20.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 119.572.500 đồng. Xét, Công ty TNL chưa hoàn tất việc thanh toán khoản tiền nợ gốc còn lại cho Công ty T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005.

[3.2] Xét yêu cầu đòi tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm kể từ ngày 21/11/2023 đến ngày 30/7/2025 là 20 tháng 10 ngày với số tiền là 18.234.806 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng các bên thỏa thuận nếu phát sinh nợ quá hạn thì bên mua phải thanh toán thêm cho bên bán lãi trả chậm là 0,03%/ngày tương đương 10,8%/năm. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại, bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả của số tiền nợ nêu trên theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nhưng quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố 9%/năm là có thiện chí và có lợi cho bị đơn nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận; số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 21/11/2023 đến ngày 30/7/2025 là 18.234.806 đồng (119.572.500 đồng x 9%/năm:12 x 20 tháng 10 ngày).

[3.3] Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 119.572.500 đồng + 18.234.806 đồng = 137.807.306 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 266, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 24, 50, 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Luật thi hành án Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng môi trường TNL thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông T tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/7/2025 là 137.807.306 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó bao gồm số tiền nợ mua bán hàng hóa còn thiếu là 119.572.500 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày 21/11/2023 đến ngày 30/7/2025 là 18.234.806 đồng.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng môi trường TNL phải chịu án phí là 6.890.365 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.350.712 đồng cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0057366 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV7 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên